



Solid partners, flexible solutions

**NGÂN HÀNG TMCP
SÀI GÒN – HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 07 tháng 05 năm 2021

Số: 109 /2021/QĐ-HĐQT

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(V/v: Ban hành Điều lệ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN – HÀ NỘI

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành luật này;
- Căn cứ Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành luật này;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị quyết số 01./2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông SHB – phiên họp thường niên năm 2021,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành mới Điều lệ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (Điều lệ đính kèm Quyết định này).
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 140/QĐ-HĐQT ngày 22/6/2020 của của Hội đồng Quản trị về việc áp dụng Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội.
- Điều 3.** Các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Văn phòng Hội đồng Quản trị, Phụ trách các đơn vị liên quan và toàn thể cổ đông của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhân:

- Như Điều 3 (để t/hiện);
- Thành viên HĐQT, BKS (để biết);
- Lưu VT, VP HĐQT.



CHỦ TỊCH HĐQT
Đỗ Quang Hiến

ĐIỀU LỆ CỦA NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN – HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 103/2021/QĐ-HĐQT ngày 07/05/2021 của Hội đồng Quản trị V/v Ban hành Điều lệ Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội)

PHẦN MỞ ĐẦU

Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (sau đây được gọi tắt là SHB/Ngân hàng) được thực hiện hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan theo quy định của pháp luật vì mục tiêu lợi nhuận, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế của Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội được thực hiện theo Điều lệ này, quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ¹

Trong Điều lệ này, những thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 (sau đây gọi tắt là "Luật Doanh nghiệp 2020") và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này (nếu có)².

2. "Luật Các tổ chức tín dụng" là Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH 12 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/6/2010 (sau đây được gọi tắt là "Luật các TCTD 2010"), Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 (sau đây gọi tắt là "Luật SB, BS Luật các TCTD 2017") và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này (nếu có)³.

3. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (sau đây gọi tắt là Luật Chứng khoán 2019) và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này (nếu có).⁴

4. "Nghị định số 155/2020/NĐ-CP" là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

5. "Thông tư số 116/2020/TT-BTC" là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

6. "Pháp luật" có nghĩa là bao gồm tất cả các Bộ luật, luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản quy phạm pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến tổ chức và hoạt động của ngân hàng, bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản quy phạm pháp luật này.

¹ Điều 4 Luật các TCTD 2010

² Luật Doanh nghiệp 2020

³ Luật SB, BS Luật các TCTD 2017

⁴ Luật Chứng khoán 2019

7. "Địa bàn kinh doanh" là phạm vi địa lý được ghi trong giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp mà tại đó SHB được thiết lập các điểm hoạt động theo quy định của pháp luật.

8. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua và được ghi tại bản Điều lệ này. Vốn điều lệ có thể được thay đổi trong từng thời kỳ, phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh doanh của SHB và quy định của Pháp luật.

9. "Ngày thành lập" là ngày SHB được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ký quyết định cấp Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu tiên.

10. "Vốn pháp định" là vốn tối thiểu theo quy định của pháp luật để thành lập ngân hàng.

11. "Cổ tức" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.⁵

12. Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập của SHB.⁶

13. "Cổ đông lớn" là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của SHB⁷.

14. "Ngân hàng Nhà nước" là từ viết tắt của "Ngân hàng Nhà nước Việt Nam".

15. "Ngân hàng" hoặc "SHB" là từ viết tắt của "Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội".

16. "Cổ phần" là Vốn Điều lệ được chia thành các phần bằng nhau.

17. "Cổ phiếu" là chứng chỉ do SHB phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của SHB. Cổ phiếu của SHB có thể là cổ phiếu ghi tên hay cổ phiếu không ghi tên theo quy định của pháp luật.

18. "Cổ đông" là tổ chức, cá nhân trong nước hoặc nước ngoài sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của SHB.

19. "Sổ đăng ký cổ đông" là một tài liệu bằng văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020.⁸

20. "Thời hạn hoạt động" là thời gian SHB được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. SHB có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

21. "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

22. "Người có liên quan" là tổ chức, cá nhân được quy định tại Khoản 28, Điều 4, Luật các Tổ chức Tín dụng. Riêng trường hợp công bố thông tin thì Người có liên quan được xác định theo Khoản 46, Điều 4, Luật chứng khoán 2019⁹.

⁵ Khoản 5, Điều 4, Luật Doanh nghiệp 2020

⁶ Khoản 4, Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020

⁷ Khoản 18, Điều 4, Luật chứng khoán 2019

⁸ Khoản 2, Điều 122, Luật Doanh nghiệp 2020

⁹ Khoản 46, Điều 4; Điều 118, Luật chứng khoán 2019

23. “Người nội bộ” là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của SHB bao gồm các cá nhân được quy định tại điểm a, Khoản 45, Điều 4 Luật chứng khoán 2019.

24. “Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị” là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 46 Điều lệ này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

25. “Người quản lý” Ngân hàng bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

26. “Người điều hành” Ngân hàng bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc khối tại Trụ sở chính, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc các đơn vị thành viên của SHB được Hội đồng Quản trị SHB bổ nhiệm.

27. “Vốn tự có” gồm giá trị thực của Vốn điều lệ và các quỹ dự trữ, một số tài sản nợ khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

28. “Giấy phép” là Giấy phép thành lập và hoạt động của SHB, do Ngân hàng Nhà nước cấp. Văn bản của Ngân hàng Nhà nước về sửa đổi, bổ sung Giấy phép là một bộ phận không tách rời của Giấy phép.

29. “Góp vốn, mua cổ phần” là việc SHB dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn cấu thành vốn điều lệ, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, bao gồm cả việc cấp vốn, góp vốn vào công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng; góp vốn vào quỹ đầu tư, và uỷ thác vốn cho các tổ chức khác góp vốn, mua cổ phần theo các hình thức nêu trên.

30. Các khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần của SHB nhằm nắm quyền kiểm soát doanh nghiệp bao gồm:

a) Các khoản đầu tư chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết của một doanh nghiệp.

b) Các khoản đầu tư với tỷ lệ sở hữu thấp hơn tỷ lệ quy định tại Điểm a Khoản này nhưng đủ để chi phối quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên.

31. “Sở hữu gián tiếp” là việc tổ chức, cá nhân sở hữu vốn điều lệ, vốn cổ phần của SHB thông qua những người có liên quan hoặc thông qua uỷ thác đầu tư.

32. “Công ty liên kết” của SHB là công ty trong đó SHB hoặc SHB và người có liên quan của SHB sở hữu từ hơn 11% vốn điều lệ trở lên hoặc từ hơn 11% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên, nhưng không phải là công ty con của SHB¹⁰.

33. “Công ty con” của SHB là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây¹¹:

a) SHB hoặc SHB và người có liên quan của SHB sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết.

b) SHB có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty con.

c) SHB có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty con.

¹⁰ Khoản 29, Điều 4 Luật các TCTD 2010

¹¹ Khoản 30, Điều 4 Luật các TCTD 2010

d) SHB và người có liên quan của SHB trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty con.

34. “Giá thị trường của phần vốn góp hoặc cổ phần” là giá giao dịch trên thị trường tại thời điểm liền kề trước đó, giá thỏa thuận giữa người bán và người mua, hoặc giá do một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp xác định¹².

35. “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” là văn bản hoặc bản điện tử mà Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho SHB ghi lại những thông tin về đăng ký doanh nghiệp.

36. “Tổ chức nước ngoài” là tổ chức thành lập ở nước ngoài theo pháp luật nước ngoài.

37. “Tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài” là tổng tỷ lệ sở hữu vốn có quyền biểu quyết của tất cả nhà đầu tư nước ngoài tại SHB.

38. “Vốn có quyền biểu quyết” là phần vốn góp hoặc cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

39. “Nhà đầu tư nước ngoài” là tổ chức, cá nhân được hiểu là nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật đầu tư.

40. Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế của chúng.

41. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới cấu trúc của Điều lệ này.

42. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp và Luật các TCTD (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2. Tên, địa chỉ và thời hạn hoạt động

1. Tên của Ngân hàng

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN - HÀ NỘI

b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt : NGÂN HÀNG SÀI GÒN - HÀ NỘI.

c) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: SAIGON – HANOI COMMERCIAL JOINT STOCK BANK.

d) Tên viết tắt bằng tiếng Anh: Saigon-Hanoi Bank.

e) Tên giao dịch: SHB.

2. Trụ sở chính: Số 77 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: (84) 4 3942 3388

- Fax: (84) 4 3942 0844

- Email: shbank@shb.com.vn

- Website: www.shb.com.vn

¹² Khoản 4, Điều 4, Luật doanh nghiệp 2020

3. SHB có các Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Đơn vị sự nghiệp, Ngân hàng/Công ty con theo quy định của pháp luật.

4. Thời hạn hoạt động của SHB theo Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp.

CHƯƠNG II

MỤC TIÊU, NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

Mục 1

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG, TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

Điều 3. Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Lĩnh vực kinh doanh của SHB là: bao gồm các lĩnh vực, nghiệp vụ ghi trên Giấy phép hoạt động và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của SHB.

2. Mục tiêu của SHB:

a) Kinh doanh để mang lại lợi nhuận cao nhất cho cổ đông trong điều kiện pháp luật không cấm.

b) Phát triển bền vững lâu dài, hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới để trở thành một ngân hàng có uy tín và hiệu quả, mang lại lợi ích cho cổ đông, cán bộ nhân viên và cung ứng cho khách hàng các sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao.

3. Phạm vi kinh doanh và hoạt động:¹³

a) SHB không tiến hành bất kỳ hoạt động kinh doanh nào ngoài các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép được Ngân hàng Nhà nước cấp.

b) Các hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác của SHB theo quy định tại Điều lệ này thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và được Hội đồng Quản trị phê chuẩn.

Điều 4. Hình thức, tư cách pháp nhân, đại diện theo pháp luật và tài khoản của SHB

1. SHB được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, hoạt động kinh doanh theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. SHB có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Người đại diện theo pháp luật của SHB là Tổng Giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị quyết định và tổ chức thực hiện thay đổi người đại diện theo pháp luật từng thời kỳ. Người đại diện theo pháp luật của SHB phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là người quản lý, người điều hành của SHB đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của SHB chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của SHB trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của SHB trở lại làm việc tại

¹³ Điều 90 Luật các TCTD 2010

SHB hoặc cho đến khi Hội đồng Quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của SHB.

Khi người đại diện theo pháp luật của SHB vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình hoặc bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng Quản trị có quyền cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của SHB.¹⁴

4. SHB phải mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì trên tài khoản tiền gửi này số dư bình quân không thấp hơn mức dự trữ bắt buộc.¹⁵

5. SHB được mở tài khoản thanh toán tại các tổ chức tín dụng khác.

6. SHB được mở tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

7. Các chi nhánh của SHB mở tài khoản tiền gửi tại chi nhánh Ngân hàng Nhà nước nơi đặt trụ sở chi nhánh đó.

Mục 2

HUY ĐỘNG VỐN

Điều 5. Các hình thức huy động vốn

1. Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân và các tổ chức tín dụng khác dưới các hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các hình thức nhận tiền gửi khác.

2. SHB được phát hành chứng chỉ tiền gửi, tín phiếu, kỳ phiếu và trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Điều lệ này, Luật các TCTD, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

3. Vay vốn của các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại Việt Nam và của tổ chức tín dụng nước ngoài.

4. Vay vốn ngắn hạn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn.

5. Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

Mục 3

HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG

Điều 6. Các hình thức cấp tín dụng¹⁶

SHB cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

1. Cho vay.

2. Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác.

¹⁴ Khoản 3, 4 và khoản 5 Điều 12 Luật Doanh nghiệp 2020

¹⁵ Điều 101 Luật các TCTD 2010

¹⁶ Khoản 3 Điều 98 Luật các TCTD 2010

3. Bảo lãnh ngân hàng.
4. Phát hành thẻ tín dụng.
5. Bao thanh toán trong nước, bao thanh toán quốc tế đối với các ngân hàng được phép thực hiện thanh toán quốc tế.
6. Ủy thác cho vay và nhận ủy thác cho vay.
7. Các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước hoặc sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

Điều 7. Xét duyệt cho vay, kiểm tra sử dụng tiền vay, chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn giảm lãi suất¹⁷

1. SHB xét duyệt cấp tín dụng, kiểm tra sử dụng tiền vay như sau:
 - a) SHB phải yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh phương án sử dụng vốn khả thi, khả năng tài chính của mình, mục đích sử dụng vốn hợp pháp, biện pháp bảo đảm tiền vay (đối với những khoản vay có TSBĐ theo quy định của NHNN và pháp luật) trước khi quyết định cấp tín dụng.
 - b) SHB phải tổ chức xét duyệt cấp tín dụng theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa các khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng.
 - c) SHB có quyền và trách nhiệm kiểm tra, giám sát sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng.
 - d) SHB có quyền yêu cầu khách hàng vay báo cáo việc sử dụng vốn vay và chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích vay vốn.
2. Chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn, giảm lãi suất:
 - a) SHB có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng.
 - b) Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì SHB có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và các quy định khác có liên quan của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan.
 - c) Trong trường hợp khách hàng vay hoặc người bảo đảm không trả được nợ do bị phá sản, việc thu hồi nợ của SHB được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.
 - d) SHB có quyền quyết định miễn, giảm lãi suất, phí cho khách hàng theo quy định nội bộ của SHB phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 8. Bảo lãnh

1. SHB được cấp tín dụng dưới hình thức bảo lãnh cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
2. Khi thực hiện cấp bảo lãnh cho Khách hàng, SHB phải tuân thủ các điều kiện cấp tín dụng (bao gồm nhưng không giới hạn là Phạm vi bảo lãnh, điều kiện đối với Khách hàng, quy định về quản lý ngoại hối trong bảo lãnh,...) theo quy định của pháp luật nói chung và quy định của Ngân hàng nhà nước nói riêng.

¹⁷ Điều 94 và Điều 95 Luật các TCTD 2010

Điều 9. Chiết khấu, tái chiết khấu, cầm cố công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác

1. SHB được cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá theo quy định pháp luật hiện hành. Chủ sở hữu các công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác phải chuyển giao ngay mọi quyền, lợi ích hợp pháp phát sinh từ các giấy tờ đó cho SHB.

2. SHB được cấp tín dụng dưới hình thức cầm cố công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá theo quy định pháp luật hiện hành. SHB được thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp phát sinh trong trường hợp chủ sở hữu các công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá đó không thực hiện đầy đủ những cam kết trong hợp đồng tín dụng.

3. SHB được tái chiết khấu, cầm cố công cụ chuyển nhượng, các giấy tờ có giá đối với các tổ chức tín dụng khác theo quy định pháp luật hiện hành.

4. SHB có thể được Ngân hàng Nhà nước tái chiết khấu và cho vay trên cơ sở cầm cố công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá đã được chiết khấu theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 10. Công ty cho thuê tài chính, bảo hiểm

SHB phải thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết theo qui định của pháp luật khi thực hiện các hoạt động kinh doanh cho thuê tài chính, bảo hiểm.

Mục 4

DỊCH VỤ THANH TOÁN VÀ NGÂN QUỸ

Điều 11. Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ¹⁸

SHB thực hiện các dịch vụ thanh toán như sau:

1. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
2. Cung ứng các phương tiện thanh toán.
3. SHB cung ứng các dịch vụ thanh toán sau đây:

a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm: séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng dịch vụ thu hộ và chi hộ.

b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

4. SHB được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán ngân hàng liên quốc gia và được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế sau khi được Ngân hàng nhà nước chấp thuận.

Mục 5

CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 12. Các hoạt động khác¹⁹

1. Sử dụng Vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp và của các tổ chức tín dụng khác như sau:

¹⁸ Khoản 4, 5 và 6 Điều 98; Điều 102 Luật các TCTD 2010

¹⁹ Điều 103, Điều 104, Điều 105, Điều 106 và Điều 107 Luật các TCTD 2010

a) SHB phải thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết để thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:

- Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;

- Cho thuê tài chính;

- Bảo hiểm.

b) SHB được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoặc góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng²⁰.

c) SHB được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp hoạt động trên các lĩnh vực bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng và các lĩnh vực khác không quy định tại Điểm này.

d) Việc thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại Điểm a và b Khoản này và việc góp vốn, mua cổ phần của SHB cho các lĩnh vực khác quy định tại Điểm c Khoản này phải tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan và phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước.

e) SHB, công ty con của SHB được mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. SHB được tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc, mua bán các công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.

3. Sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản, SHB được kinh doanh, cung ứng dịch vụ cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các sản phẩm sau đây:

a) Ngoại hối.

b) Phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.

4. SHB được quyền uỷ thác, nhận uỷ thác, đại lý trong một số lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

5. SHB được trực tiếp thực hiện các hoạt động sau đây:

a) Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.

b) Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.

c) Mua bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.

d) Dịch vụ môi giới tiền tệ.

²⁰ Khoản 18 Điều 1 Luật SĐ, BS Luật các TCTD 2017

e) Lưu ký chứng khoán, kinh doanh vàng, mua nợ, đại lý bảo hiểm và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

Điều 13. Hoạt động kinh doanh bất động sản²¹

SHB không được kinh doanh bất động sản, trừ trường hợp sau đây:

1. Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của SHB.
2. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết, thuộc sở hữu của SHB.
3. Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay. Trong thời hạn không quá 03 năm kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, SHB phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này để bảo đảm thực hiện đúng tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Hoạt động ngân hàng điện tử²²

SHB được thực hiện các hoạt động kinh doanh qua việc sử dụng các phương tiện điện tử theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về quản lý rủi ro và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. SHB phải bảo đảm an toàn và bảo mật trong hoạt động ngân hàng điện tử theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 15. Đảm bảo an toàn²³

Trong quá trình hoạt động, SHB phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn theo quy định tại Chương VI của Luật các tổ chức tín dụng và theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; thực hiện phân loại tài sản “Có” và trích lập dự phòng rủi ro để xử lý các rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG III

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 16. Vốn Điều lệ

1. Vốn Điều lệ của SHB là 17.510.090.940.000 (Mười bảy nghìn, năm trăm mười tỷ, không trăm chín mươi triệu, chín trăm bốn mươi nghìn đồng).
2. Tổng số vốn Điều lệ của SHB được chia thành 1.751.009.094 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng trên một cổ phần).
3. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VNĐ).
4. SHB phải đảm bảo mức vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật.
5. SHB không được sử dụng vốn điều lệ và các quỹ để mua cổ phần, góp vốn với các cổ đông của chính SHB.
6. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích:
 - a) Mua, đầu tư vào tài sản cố định của SHB không quá tỷ lệ quy định của Ngân hàng Nhà nước.

²¹ Điều 132 Luật các TCTD 2010

²² Điều 97 và Điều 133 Luật các TCTD 2010

²³ Chương VI Luật các TCTD 2010

- b) Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- c) Thành lập công ty con quy định của pháp luật.
- d) Cấp tín dụng.
- e) Kinh doanh các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Thay đổi Vốn Điều lệ

1. Việc thay đổi vốn điều lệ của SHB (tăng hoặc giảm) phải được thực hiện trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi vốn điều lệ theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn điều lệ thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản, SHB phải: ²⁴

a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của SHB phù hợp với thay đổi đã được chấp thuận. ²⁵

b) Đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những thay đổi quy định tại Điểm a Khoản này.

c) Công bố nội dung thay đổi trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thay đổi trên các phương tiện thông tin của Ngân hàng Nhà nước và một tờ báo điện tử hoặc báo viết hàng ngày của Việt Nam trong 03 số liên tiếp.

4. Hội đồng Quản trị SHB phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thẩm định hồ sơ, thủ tục, điều kiện để chấp thuận cho cổ đông góp vốn theo các yêu cầu quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ SHB.

5. Các hình thức tăng Vốn Điều lệ:

a) Phát hành cổ phiếu ra công chúng và phát hành cổ phiếu riêng lẻ.

b) Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

c) Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ; Quỹ thặng dư vốn cổ phần; lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật ²⁶.

d) Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

6. SHB có thể giảm Vốn Điều lệ theo quy định của pháp luật. Việc giảm Vốn Điều lệ của SHB phải đảm bảo không thấp hơn mức vốn pháp định và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

Điều 18. Vốn hoạt động

Vốn hoạt động của SHB gồm các nguồn sau:

1. Vốn Điều lệ.

2. Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá.

3. Các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi.

4. Vốn huy động theo các hình thức quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.

²⁴ Khoản 4 Điều 29 Luật các TCTD 2010

²⁵ Khoản 05 Điều 1 Luật SĐ, BS Luật các TCTD 2017

²⁶ Khoản 1 Điều 29 Thông tư 40/2011/TT-NHNN

5. Lợi nhuận được để lại chưa phân bổ.
6. Vốn tài trợ, vốn ủy thác đầu tư để cho vay theo các chương trình, dự án có mục tiêu riêng của Chính phủ giao.
7. Các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Cổ phần, Cổ đông

1. SHB phải có ít nhất 100 cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa²⁷.
2. Các loại cổ phần của SHB vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông.
3. SHB có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi theo quy định của Luật các TCTD và phù hợp với quy định pháp luật khác có liên quan.
4. Giới hạn sở hữu cổ phần của SHB được quy định như sau:²⁸
 - a) Một cổ đông cá nhân không được sở hữu vượt quá 5% vốn điều lệ của SHB.
 - b) Một cổ đông tổ chức không được sở hữu vượt quá 15% vốn điều lệ SHB, trừ các trường hợp sau đây:
 - Sở hữu cổ phần theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước để xử lý khi Ngân hàng gặp khó khăn, bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng theo quy định khi Ngân hàng bị kiểm soát đặc biệt.
 - Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Khoản 2, Điều 16, Luật các TCTD.
 - c) Cổ đông và những người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu vượt quá 20% vốn điều lệ của SHB (trừ trường hợp theo quy định tại điểm b Khoản này).
 - d) Cổ đông lớn của SHB và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác.
 - e) Các tỷ lệ sở hữu quy định tại Điểm a, b và c Khoản này bao gồm cả phần vốn ủy thác cho các tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.

Điều 20. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc SHB tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.
2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:
 - a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu.
 - b) Chào bán ra công chúng.
 - c) Chào bán cổ phần riêng lẻ²⁹.
3. Việc chào bán cổ phần của SHB được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.
4. SHB thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

²⁷ Khoản 6 Điều 52 Luật các TCTD 2010

²⁸ Khoản 14 Điều 1 Luật SĐ, BS Luật các TCTD 2017

²⁹ Điều 31, Luật chứng khoán 2019

5. Bán cổ phần³⁰: Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

- a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
- b) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở SHB;
- c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

6. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu

a) Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là trường hợp SHB tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ tại SHB³¹.

b) Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì Hội đồng Quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại đó cho cổ đông của SHB hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông.³²

c) Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 26 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của SHB.

d) Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, SHB phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. SHB có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 26 của Điều lệ này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó tại SHB.

Điều 21. Mua lại cổ phần³³

1. SHB có thể mua cổ phần do chính SHB đã phát hành theo đúng quy định của Điều lệ này và của pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do SHB mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Mua lại cổ phần theo quyết định của SHB:

SHB có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán ra, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

a) Hội đồng Quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

b) Hội đồng Quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy

³⁰ Điều 126 Luật doanh nghiệp 2020

³¹ Khoản 1, Điều 124, Luật doanh nghiệp 2020

³² Khoản 3, Điều 124, Luật doanh nghiệp năm 2020

³³ Điều 132, 133 và Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2020

định tại điểm c, Khoản này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ này không quy định hoặc SHB và cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.

c) SHB có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong SHB. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của SHB phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của SHB, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho SHB.

d) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được SHB trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. SHB chỉ mua lại cổ phần của cổ đông khi cổ đông gửi thông báo trong thời hạn nêu trên.

3. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

a) Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại SHB hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ SHB có quyền yêu cầu SHB mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu SHB mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến SHB trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

b) SHB phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a, khoản này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá. SHB giới thiệu ít nhất ba tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

4. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

a) SHB chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại mà vẫn đảm bảo các tỷ lệ an toàn trong hoạt động Ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức pháp định.

b) Cổ phần được mua lại theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 21 của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán. SHB phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được SHB mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.³⁴

c) Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và

³⁴ Khoản 2 Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2020.

Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Ngân hàng.

d) Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Ngân hàng giảm hơn 10% thì Ngân hàng phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

5. Điều kiện mua lại cổ phần làm giảm Vốn Điều lệ:³⁵

a) Việc SHB mua lại cổ phần của chính mình phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện nếu dẫn đến việc giảm vốn Điều lệ của SHB;

b) Đảm bảo các quy định tại Khoản 4 Điều này;

c) Kinh doanh liên tục có lãi trong hai năm liền kề năm đề nghị mua lại cổ phần và không có lỗ lũy kế;

d) Không bị Ngân hàng Nhà nước xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng trong hai năm gần nhất đến thời điểm đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận việc mua lại cổ phần.

Điều 22. Thu hồi cổ phần

1. SHB phải thu hồi cổ phần đã phát hành ra công chúng theo quy định của Luật chứng khoán 2019 trong các trường hợp đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng bị hủy bỏ³⁶ hoặc bị đình chỉ mà nhà đầu tư có yêu cầu thu hồi³⁷.

2. Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 23. Chuyển nhượng Cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu của SHB khi niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

3. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản hoặc bằng các phương thức khác do Hội đồng Quản trị SHB quy định. Cổ phiếu của SHB khi được niêm yết tại Sở Giao dịch/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

4. Trong trường hợp cổ đông bị chết việc giải quyết quyền lợi, trách nhiệm của cổ đông được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế.

5. Cổ đông cá nhân, cổ đông pháp nhân có người đại diện là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc SHB không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ³⁸.

³⁵ Điều 57 Luật các TCTD 2010 và Khoản 2 Điều 30 Thông tư 40/2011/TT-NHNN

³⁶ Điều 28 Luật chứng khoán 2019

³⁷ Điều 27 Luật chứng khoán 2019

³⁸ Điều 56 Luật các TCTD 2010

6. Trong thời gian đang xử lý hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước do trách nhiệm cá nhân, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ trường hợp khi các thành viên này:

- a) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, mua lại, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định pháp luật.
- b) Bị bắt buộc chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án.
- c) Chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt³⁹.

7. Việc chuyển nhượng cổ phần niêm yết Ngân hàng được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 24. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu của SHB bao gồm các thông tin chủ yếu sau⁴⁰:

- a) Tên, trụ sở chính của SHB;
- b) Số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động;
- c) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- d) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- đ) Họ tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, số Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của cổ đông là tổ chức (đối với cổ phiếu có ghi tên);
- g) Chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật và dấu của SHB;
- h) Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông và ngày phát hành cổ phiếu;
- i) Các nội dung khác (nếu có).

2. Mỗi cổ đông sẽ được SHB cấp cổ phiếu theo từng loại cổ phần để ghi nhận số vốn góp.

3. Trường hợp cổ phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, SHB phải phát hành cổ phiếu cho các cổ đông trong trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cổ đông thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua đối với SHB⁴¹ hoặc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phần theo quy định của SHB. Người sở hữu cổ phần không phải trả chi phí in cổ phiếu cho SHB trừ trường hợp in, cấp lại cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông.

4. SHB không cho vay trên cơ sở cầm cố bằng cổ phiếu của chính SHB.⁴²

Điều 25. Phát hành trái phiếu

1. SHB có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của Luật các TCTD, Luật chứng khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan.

³⁹ Khoản 15 Điều 1 Luật SĐ, BS Luật các TCTD 2017

⁴⁰ Điều 121, Luật doanh nghiệp 2020

⁴¹ Điều 58 Luật các TCTD 2010

⁴² Điểm a Khoản 2 Điều 12 Thông tư 22/2019/TT-NHNN

2. Đối với phát hành trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền⁴³: Hội đồng Quản trị có quyền quyết định thông qua phương án phát hành và sử dụng số tiền từ đợt chào bán, xác định tiêu chí, số lượng, nhà đầu tư, loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của Hội đồng Quản trị về phát hành trái phiếu.

3. Đối với phát hành trái phiếu chuyển đổi, phát hành trái phiếu kèm theo chứng quyền⁴⁴: Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua phương án phát hành và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; xác định rõ tiêu chí, số lượng nhà đầu tư. Hình thức biểu quyết thông qua Nghị quyết phê duyệt phương án phát hành thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

4. Điều kiện, hồ sơ, thủ tục phát hành trái phiếu được thực hiện theo quy định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 26. Sổ đăng ký cổ đông

1. Sổ đăng ký cổ đông được lập và lưu giữ dưới dạng văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này từ khi SHB được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp⁴⁵.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây⁴⁶:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của SHB.

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.

d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là tổ chức.

đ) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của SHB hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam⁴⁷. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông SHB trong sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của SHB hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

4. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với SHB để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. SHB không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

5. SHB phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ này.

CHƯƠNG IV CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

⁴³ Khoản 3 Điều 18, Khoản 2 Điều 31 Luật chứng khoán 2019; Khoản 2 Điều 13 Nghị định 153/2020/NĐ-CP

⁴⁴ Khoản 4 Điều 18, Khoản 1 Điều 31 Luật chứng khoán 2019; Khoản 2 Điều 13 Nghị định 153/2020/NĐ-CP

⁴⁵ Khoản 1 Điều 122 Luật Doanh nghiệp 2020

⁴⁶ Khoản 2 Điều 122 Luật Doanh nghiệp 2020

⁴⁷ Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam phải chuyển đổi mô hình thành Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Luật Chứng khoán 2019 có hiệu lực thi hành.

Điều 27. Cơ cấu tổ chức quản lý

1. Các cơ quan quản lý của SHB gồm:

- a) Đại hội đồng cổ đông.
- b) Hội đồng Quản trị.
- c) Ban Kiểm soát.
- d) Tổng Giám đốc.

2. Cơ cấu tổ chức của SHB chủ yếu bao gồm các thành phần sau:

- a) Trụ sở chính.
- b) Các chi nhánh; văn phòng đại diện; các đơn vị sự nghiệp; các công ty con trực thuộc.
- c) Các phòng giao dịch, điểm giao dịch, quỹ tiết kiệm, ATM.

3. Trụ sở chính bao gồm:

- a) Hội đồng Quản trị.
- b) Ban Kiểm soát.
- c) Tổng Giám đốc.
- d) Hệ thống Kiểm toán.

4. SHB được phép mở các chi nhánh, các văn phòng đại diện, các phòng giao dịch, điểm giao dịch, ATM, đơn vị sự nghiệp, các công ty con trực thuộc khi có nhu cầu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Cơ cấu tổ chức của các đơn vị trên sẽ do Hội đồng Quản trị quy định phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Bộ máy giúp việc Tổng Giám đốc

- a) Các Phó Tổng Giám đốc.
- b) Giám đốc các Khối.
- c) Kế toán trưởng.
- d) Các Phòng, Ban, Trung tâm nghiệp vụ.

Mục 1

CỔ ĐÔNG, ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 28. Cổ đông

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu cổ phần của SHB, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Quyền và trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà mỗi cổ đông nắm giữ.

2. Cổ đông được công nhận chính thức khi có tên trên sổ đăng ký cổ đông hoặc sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán.⁴⁸

3. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông SHB là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ này.

⁴⁸ Khoản 5 Điều 124, Khoản 6 Điều 127 Luật Doanh nghiệp 2020; Khoản 4 Điều 2 Thông tư 119/2020/TT-BTC

4. Tổ chức là cổ đông SHB chỉ được ủy quyền cho 01 người đại diện⁴⁹.

5. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho SHB và chỉ có hiệu lực đối với SHB kể từ ngày SHB nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;

b) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ pháp lý cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;

c) Thời hạn ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;

d) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

6. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

b) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;

c) Cổ đông là công ty do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (trừ công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ) không được cử người có quan hệ gia đình (vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng) và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện tại SHB.⁵⁰

Điều 29. Quyền của cổ đông⁵¹

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

b) Được nhận cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong SHB.

d) Được chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông khác của SHB hoặc cá nhân, tổ chức khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ SHB, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

g) Được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần nắm giữ tại SHB khi SHB giải thể hoặc phá sản.

⁴⁹ Khoản 2 Điều 14 Luật Doanh nghiệp 2020

⁵⁰ Điều 17, Điều 88 Luật doanh nghiệp 2020

⁵¹ Điều 53 Luật các TCTD 2010 và Điều 115, Điều 117 Luật Doanh nghiệp 2020

h) Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình.

i) Được ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật. Danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng quản trị theo thời hạn quy định tại Điều lệ này.

j) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền:

a) Được nhận cổ tức với mức được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức.

b) Được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại SHB sau khi SHB đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác khi SHB giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;

c) Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông và ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của SHB.

b) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của SHB khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

c) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau⁵²:

a) Đề cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại Khoản 5, Điều 44 và Khoản 5, Điều 59 của Điều lệ này.

b) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây.

(i) Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

(ii) Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng Quản trị mới chưa được bầu thay thế.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết

⁵² Khoản 1 Điều 59 Luật các TCTD 2010

định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.

d) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 30. Nghĩa vụ của cổ đông⁵³

1. Cổ đông có nghĩa vụ sau:

a) Tuân thủ Điều lệ này và các Quy định nội bộ của SHB.

b) Thanh toán đủ số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do SHB quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của SHB trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào SHB.

c) Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi SHB dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của SHB.

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại SHB; không sử dụng nguồn vốn do SHB, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của SHB; không được góp vốn, mua cổ phần của SHB dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật⁵⁴.

e) Bảo mật các thông tin được SHB cung cấp; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác⁵⁵.

f) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

g) Cổ đông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh SHB dưới mọi hình thức để thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong SHB. SHB có quyền đình chỉ các quyền cổ đông của các cổ đông này trong trường hợp phát hiện họ không cung cấp thông tin xác thực về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.

Điều 31. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của SHB, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua các phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

⁵³ Điều 54 Luật các TCTD 2010; Điều 119 Luật Doanh nghiệp 2020

⁵⁴ Khoản 13 Điều 1 Luật SE, BS Luật các TCTD 2017

⁵⁵ Khoản 5, Điều 119, Luật doanh nghiệp 2020.

2. Các phiên họp Đại hội đồng cổ đông phải có đủ số lượng cổ đông tham dự tối thiểu theo quy định tại Điều 36, Điều lệ này.

3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông chỉ có giá trị khi được các cổ đông hoặc người được uỷ quyền thông qua theo quy định tại Điều 38, Điều lệ này.

Điều 32. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông⁵⁶

Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi các quy định của pháp luật và Điều lệ này có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của SHB.

b) Báo cáo tài chính hằng năm.

c) Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị.

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của SHB, về kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc.

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát.

f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.

g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

2. Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản các vấn đề sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của SHB.

b) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ SHB.

c) Phê chuẩn Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

d) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

e) Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

f) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho SHB và cổ đông của SHB.

g) Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của SHB.

h) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán.

i) Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán.

j) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi.

⁵⁶ Khoản 2 Điều 59 Luật các TCTD 2010

k) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của SHB.

l) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao.

m) Quyết định thành lập công ty con.

n) Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

o) Quyết định đầu tư, giao dịch mua bán tài sản của SHB có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

p) Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa SHB với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của họ; công ty con, công ty liên kết của SHB.

q) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu phá sản SHB.

r) Quyết định các giải pháp khắc phục các biến động lớn về tài chính của SHB.

s) Phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng theo đề xuất, kiến nghị của Ban kiểm soát.⁵⁷

3. Đại hội đồng cổ đông có thể ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với Điều lệ này và các quy định của pháp luật. Các nội dung ủy quyền phải được ghi cụ thể trong các Biên bản họp hoặc Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 33. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông⁵⁸

1. Đại hội đồng cổ đông SHB họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

2. Đại hội đồng cổ đông SHB phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của SHB.

b) Số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật.

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 29 của Điều lệ này.

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

⁵⁷ Khoản 1, Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

⁵⁸ Điều 59 Luật các TCTD 2020

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày xảy ra trường hợp không đủ số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại theo quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho SHB.

5. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này⁵⁹.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho SHB.

6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều 29 của Điều lệ này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

7. Ban Kiểm soát phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) và Điều lệ này hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này⁶⁰.

8. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông.

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp.

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp.

e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

f) Xác định thời gian và địa điểm họp.

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này.

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

9. Người có thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền gia hạn thời hạn họp Đại hội đồng cổ đông nhưng phải đảm bảo thời gian triệu tập họp và thời gian họp Đại hội đồng cổ đông tuân thủ đúng theo quy định tại Điều lệ này.

⁵⁹ Khoản 3, Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020

⁶⁰ Khoản 9, Điều 45 Luật các TCTD 2010

Điều 34. Thông báo mời họp, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 33, Điều lệ này phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với pháp luật và các quy định của SHB. SHB sẽ công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp đại hội tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

b) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội.

c) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày làm việc trước ngày khai mạc⁶¹.

d) Công bố thông tin về việc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang website của SHB và trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày làm việc trước ngày khai mạc, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có)⁶².

2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho SHB bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong SHB, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc và đăng trên website của SHB.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm các tài liệu sau đây⁶³:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

b) Phiếu biểu quyết.

4. Việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên web của SHB. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu⁶⁴.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 29 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến SHB chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp⁶⁵.

⁶¹ Khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020

⁶² Khoản 3 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC

⁶³ Khoản 3 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020

⁶⁴ Khoản 4 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020

⁶⁵ Khoản 2 Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2020

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 5 Điều này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau⁶⁶:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.
- b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- c) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa các nội dung kiến nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 5, Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung phiên họp (trừ trường hợp quy định tại khoản 6, Điều này). Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung phiên họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 35. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông⁶⁷

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại Khoản 6 Điều 28 của Điều lệ này thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do SHB phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
- b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo hướng dẫn của SHB.
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 36. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông⁶⁸

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày kể từ

⁶⁶ Khoản 3 Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2020

⁶⁷ Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020

⁶⁸ Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020

ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 34 của Điều lệ này.

Điều 37. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông⁶⁹

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b) Trường hợp quy định tại Khoản a) Điều này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác.

⁶⁹ Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 38. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông⁷⁰

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại phiên họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện từ trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp trở lên chấp thuận.

3. Đối với quyết định về các vấn đề quy định tại các Điểm b, h, o và q Khoản 2, Điều 32, Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận:

4. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát; cổ đông có quyền dồn hết số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử của SHB do Hội đồng Quản trị ban hành.⁷¹

5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề quy định tại các Điểm a, d, f và q Khoản 2, Điều 32, Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

⁷⁰ Khoản 3 và Khoản 4 Điều 59 Luật các TCTD 2010

⁷¹ Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020

6. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

7. Số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông có quyền biểu quyết hoặc là người đại diện được uỷ quyền bằng số cổ phần mà cổ đông đó sở hữu.

8. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây⁷²:

a) Thông qua các hợp đồng quy định tại Điều 67 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng.

b) Thông qua việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.

9. Quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

10. Thay đổi các quyền

a) Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến vốn cổ phần của SHB được chia thành các loại cổ phần khác nhau, về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.

b) Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 36, 37, 38 của Điều lệ này.

c) Trừ trường hợp các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với mỗi loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của SHB không bị thay đổi khi SHB phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 39. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản⁷³

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của SHB.

2. Hội đồng Quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của SHB.

b) Mục đích lấy ý kiến.

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân,

⁷² Khoản 4 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020

⁷³ Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020

Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua.
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
- f) Thời hạn phải gửi về SHB phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị của SHB.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến SHB theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về SHB phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về SHB sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng Quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý SHB.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của SHB.
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết.
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.
- e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp SHB có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của SHB.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông⁷⁴

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của SHB.
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp.
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký.
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

j) Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của SHB.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của SHB.

4. Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước⁷⁵.

⁷⁴ Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020

⁷⁵ Điều 61 Luật các TCTD 2010

Điều 41. Hiệu lực và hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông⁷⁶

1. Hiệu lực các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

a) Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

b) Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

c) Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều này, thì các Nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Hủy bỏ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 29 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định Điều lệ SHB và các quy định của Luật, trừ trường hợp quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều này.

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ SHB.

Mục 2

ĐIỀU KHOẢN CHUNG VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 42. Những người không được giữ chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc; Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đình chỉ, tạm đình chỉ và những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ.⁷⁷

1. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của SHB:

a) Thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều này.

b) Thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

c) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng Giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng.

⁷⁶ Điều 151, Điều 152 Luật Doanh nghiệp 2020

⁷⁷ Điều 33, Điều 34, Điều 35 và Điều 36 Luật các TCTD 2010

d) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó.

e) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của tổ chức tín dụng theo quy định pháp luật hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.

f) Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc không được là thành viên Ban kiểm soát SHB.

g) Những người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được là Tổng Giám đốc của SHB.

h) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng⁷⁸.

2. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty con của SHB:

a) Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.

b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang trong thời kỳ chấp hành hình phạt.

c) Người đã từng bị kết án về các tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên.

d) Người đã từng bị kết án về các tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích.

e) Cán bộ, công chức; người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ những người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của nhà nước tại SHB.

f) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ những người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của nhà nước tại SHB.

g) Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của SHB.

3. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc:

a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết.

b) Vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ.

⁷⁸ Khoản 6 Điều 1 Luật SĐ, BS Luật các TCTD 2017

c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông góp vốn của SHB khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân.

d) Mất tư cách là người đại diện phần vốn góp theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức.

e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

f) Khi Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép.

g) Khi hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực.

Hội đồng quản trị SHB phải có văn bản báo cáo về việc các đối tượng đương nhiên bị mất tư cách theo quy định tại khoản này kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà nước trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định được các đối tượng trên bị đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.

Sau khi đương nhiên bị mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của SHB phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

4. Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc của SHB bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của SHB.

c) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

d) Không bảo đảm các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ này.

e) Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập.

Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc của SHB phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại Điều này, Hội đồng quản trị SHB phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

5. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ:⁷⁹

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị không được đồng thời là người điều hành của SHB; là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.

⁷⁹ Điều 34 Luật các TCTD năm 2010; Khoản 7 Điều 1 Luật SĐ, BS Luật các TCTD 2017; Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

b) Tổng giám đốc của SHB không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.

c) Thành viên Hội đồng quản trị SHB không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của SHB hoặc là thành viên Ban kiểm soát của SHB; không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của quá 05 công ty khác.

d) Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác. Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

- Thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên SHB hoặc công ty con của SHB hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của SHB là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tại SHB.

e) Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của SHB không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của SHB. Phó Tổng giám đốc (và các chức danh tương đương của SHB không được đồng thời là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.

Điều 43. Quy trình, thủ tục bầu các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc⁸⁰

1. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 45 ngày, Hội đồng quản trị SHB phải thông báo cho các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; đồng thời thông báo các Điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được đề cử theo quy định pháp luật để các cổ đông đề cử người giữ các chức danh này.

2. Trên cơ sở danh sách đề cử của các cổ đông đối với các chức danh này, Hội đồng quản trị thẩm định Điều kiện, tiêu chuẩn; lập Danh sách ứng cử viên cho các chức danh dự kiến bầu. Trường hợp các cổ đông không đề cử đủ số lượng ứng cử viên đối với thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả thành viên Hội đồng quản trị độc lập), thành viên Ban kiểm soát hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ Điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, Hội đồng quản trị sẽ đề cử ứng cử viên bổ sung, thay thế đối với các chức danh này.

3. Đối với các ứng cử viên không đảm bảo Điều kiện theo quy định, Hội đồng quản trị thông báo cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử của ứng cử viên này biết rõ lý do.

⁸⁰ Điều 51 Luật các TCTD 2010

4. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc của SHB phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm các chức danh này. Những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc của SHB phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

5. Đại hội đồng cổ đông quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát được bầu và tiến hành bầu những người có tên trong Danh sách ứng cử viên đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tại Khoản 2 Điều này. SHB có thể lập danh sách đề cử và tiến hành bầu riêng thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Trong trường hợp này, việc bầu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được tiến hành như việc bầu các thành viên Hội đồng quản trị khác.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát bắt đầu tiếp quản công việc và thực hiện nhiệm vụ kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông bầu và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ của mình trong thời gian đương nhiệm.

Mục 3

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 44. Số lượng, nhiệm kỳ và nguyên tắc ứng cử, đề cử Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị của SHB, có toàn quyền nhân danh SHB để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của SHB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị của SHB phải có tối thiểu 05 thành viên và không quá 11 thành viên, trong đó có tối thiểu 01 thành viên độc lập. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 1/2 tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng⁸¹.

3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện vốn góp của một cổ đông pháp nhân và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị của SHB, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của nhà nước.

4. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.⁸²

5. Nguyên tắc ứng cử, đề cử vào Hội đồng Quản trị:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị⁸³.

⁸¹ Điều 62 Luật các TCTD 2010

⁸² Khoản 2 Điều 43 Luật các TCTD 2010

⁸³ Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020

b) Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ 2/3 số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ SHB thì trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số lượng, SHB phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định.⁸⁴

Điều 45. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị⁸⁵

Hội đồng Quản trị của SHB là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh SHB trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả hoạt động của SHB và có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này.

3. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Khối Kế toán trưởng, Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị và người quản lý, người điều hành khác theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị.⁸⁶

5. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

6. Cử người đại diện vốn góp của SHB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.

7. Quyết định đầu tư, giao dịch mua bán tài sản của SHB từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua bán tài sản của SHB quy định tại Điểm o Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này.

8. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại Điều 128 Luật các Tổ chức Tín dụng về giới hạn cấp tín dụng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điểm p Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này.

9. Thông qua các hợp đồng của SHB với công ty con, công ty liên kết của SHB; các hợp đồng của SHB với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc), cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của SHB. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.

10. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.

11. Ban hành các Quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của SHB phù hợp với các quy định của Luật này và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông.

⁸⁴ Điều 43 Luật các TCTD 2010

⁸⁵ Điều 63 Luật các TCTD 2010

⁸⁶ Khoản 16 Điều 1 Luật TCTD 2017

12. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của SHB.
13. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.
14. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.
15. Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.
16. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
17. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của SHB.
18. Quyết định mua lại cổ phần của SHB.
19. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
20. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
21. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị.
22. Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
23. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
24. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước những thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc).
25. Hội đồng quản trị được sử dụng con dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ của mình.
26. Hội đồng Quản trị quyết định và tổ chức thực hiện thay đổi người đại diện theo pháp luật của SHB từng thời kỳ.
27. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.
28. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị quyết định và thực hiện một hoặc một số các nhiệm vụ nêu tại Điều này. Các vấn đề ủy quyền phải được thể hiện bằng văn bản. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị không được ủy quyền cho người không phải là thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
29. Những vấn đề sau phải được Hội đồng Quản trị thông qua và không được áp dụng cơ chế ủy quyền quy định tại Khoản 27 Điều này:
 - a) Việc chỉ định và bãi miễn những người có quyền đại diện thương mại hay đại diện pháp lý của SHB.
 - b) Các khoản đầu tư không có trong kế hoạch kinh doanh và đầu tư ngân sách vượt quá 10% kế hoạch tài chính ghi trong kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị⁸⁷

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 42, Điều lệ này.

3. Có bằng đại học trở lên.

4. Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán Bảo đảm đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 66, Điều 67 và Điều 68 Điều lệ này.

5. Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị phải đáp ứng các điều kiện nêu tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều này và các điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho chính SHB hoặc công ty con của SHB hoặc đã làm việc cho SHB hoặc công ty con của SHB trong 03 năm liền kề trước đó;

b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của SHB ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định.

c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của SHB, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của SHB hoặc công ty con của SHB.

d) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SHB; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SHB.

e) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của SHB tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.

6. Trường hợp cổ đông là người nước ngoài tham gia Hội đồng Quản trị phải có thêm các điều kiện sau:

a) Tỷ lệ số người tham gia thành viên Hội đồng Quản trị chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại SHB.

b) Không làm thành viên Hội đồng Quản trị quá 02 tổ chức tín dụng tại Việt Nam.

c) Không được giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị của SHB.

7. Các điều kiện khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và của pháp luật có liên quan.

Điều 47. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do các thành viên Hội đồng Quản trị bầu theo nguyên tắc đa số quá bán.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú ở Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được đồng thời đảm nhiệm các chức vụ quy định tại Khoản 5, Điều 42 Điều lệ này.

⁸⁷ Điều 50 Luật TCTD 2010

3. Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị⁸⁸

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
- b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
- c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị.
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
- e) Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông.
- f) Bảo đảm các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.
- g) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện bằng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- h) Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn chung.
- i) Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng quản trị tối thiểu mỗi năm 01 lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
- j) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 48. Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị⁸⁹

1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của SHB và cổ đông.
2. Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
3. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường.
4. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình.
5. Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
6. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.
7. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này.

⁸⁸ Điều 64 Luật các TCTD 2010

⁸⁹ Điều 65 Luật các TCTD 2010

Điều 49. Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị. Tổng mức thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo thoả thuận hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc làm việc tại các Ủy ban, tiểu ban của Hội đồng Quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí trong việc tới dự các phiên họp Hội đồng Quản trị, các Ủy ban, tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông. Các khoản chi phí này được tính vào chi phí hoạt động của SHB.

4. Thù lao của Hội đồng Quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm và phải được báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp thường niên.

Điều 50. Họp Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì phiên họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Phiên họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

2. Các phiên họp thường kỳ: Hội đồng Quản trị SHB họp định kỳ mỗi quý một lần hoặc có thể ngắn hơn do Chủ tịch Hội đồng Quản trị của mỗi nhiệm kỳ quy định. Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người triệu tập các phiên họp Hội đồng Quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến.

3. Các phiên họp đột xuất: Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây⁹⁰:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác.
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

Đề nghị quy định tại Khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

4. Các phiên họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 3, Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với SHB; những người đề

⁹⁰ Khoản 3,4 Điều 157 Luật Doanh nghiệp năm 2020

ngộ tổ chức phiên họp được đề cập ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng Quản trị⁹¹.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Ngân hàng.

6. Địa điểm họp: Các phiên họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của SHB hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng Quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và gửi cho người triệu tập họp ít nhất 2 ngày trước khi phiên họp được tiến hành. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại phiên họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại SHB.

8. Các phiên họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng Quản trị có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Hội đồng Quản trị khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa phiên họp chậm nhất 01 (một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.

Thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng Quản trị dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận. Trong trường hợp này, người được ủy quyền dự họp không được biểu quyết.

9. Biểu quyết.

a) Trừ quy định tại điểm b, Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại phiên họp Hội đồng Quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết (trừ người được ủy quyền không phải là thành viên Hội đồng Quản trị quy định tại Khoản 8 Điều này);

b) Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của SHB. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một phiên họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d, khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một phiên họp của Hội đồng Quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa phiên họp và phán quyết của chủ

⁹¹ Khoản 5 Điều 157 Luật Doanh nghiệp năm 2020

toạ liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d) Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với SHB và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong phiên họp mà Hội đồng Quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại phiên họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số: Hội đồng Quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt (trên 50%). Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có 01 phiếu biểu quyết. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

12. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Phiên họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong phiên họp.

b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng Quản trị tham gia phiên họp như vậy được coi là “có mặt” tại phiên họp đó. Địa điểm phiên họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa phiên họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một phiên họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc phiên họp nhưng phải được khẳng định bằng chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự phiên họp này.

13. Biên bản họp Hội đồng Quản trị: Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các phiên họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự phiên họp. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải có các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của SHB, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.

b) Thời gian, địa điểm họp.

- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp.
- d) Họ và tên các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp, các thành viên vắng mặt và lý do vắng mặt.
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại phiên họp.
- e) Tóm tắt ý kiến của các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
- h) Các nghị quyết, quyết định được thông qua.
- i) Họ tên, chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được uỷ quyền dự họp. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do, nếu không ghi lý do thì các biểu quyết của thành viên đó đối với các nội dung tại phiên họp coi như không có giá trị.

Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được chuyển cho tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày kết thúc phiên họp.

Biên bản họp Hội đồng Quản trị và các tài liệu sử dụng trong phiên họp đó phải được lưu giữ tại trụ sở chính của SHB.

14. Những người được mời dự họp Hội đồng Quản trị: Các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý, chuyên gia khác có thể được Hội đồng Quản trị mời dự các phiên họp mà Hội đồng Quản trị thấy cần thiết. Những người được mời dự họp không được tham gia biểu quyết.

15. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản

a) Trường hợp không thể tổ chức họp, Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có 01 phiếu biểu quyết.

b) Văn phòng Hội đồng Quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị.

c) Phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị phải có các nội dung sau:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính của SHB, số và ngày Quyết định thành lập, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Vấn đề cần lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị;
- Phương án biểu quyết. tán thành, không tán thành, không có ý kiến;
- Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về SHB;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thành viên Hội đồng Quản trị được lấy ý kiến.

d) Thư ký Hội đồng Quản trị (hoặc Văn phòng Hội đồng Quản trị) có trách nhiệm kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính của SHB, số và ngày Quyết định thành lập, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
- Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
- Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị đã tham gia biểu quyết;
- Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu và người giám sát việc kiểm phiếu.

e) Người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

f) Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm phiếu.

g) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến phải được lưu giữ tại trụ sở chính của SHB.

h) Các nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại các phiên họp Hội đồng Quản trị.

16. Các Ủy ban, tiểu ban và hội đồng khác của Hội đồng Quản trị⁹²

a) Các Ủy ban: Hội đồng quản trị phải thành lập tối thiểu hai Ủy ban, gồm Ủy ban về vấn đề quản lý rủi ro và Ủy ban về vấn đề nhân sự. Các Ủy ban là cơ quan giúp việc cho Hội đồng quản trị, có vai trò tham mưu cho Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị và thực hiện một số nhiệm vụ do Hội đồng quản trị phân công. Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành quy định nội bộ về nhiệm vụ, chức năng của các Ủy ban. Quy định này tối thiểu bao gồm các nội dung: việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ, số lượng thành viên cụ thể của từng Ủy ban, trách nhiệm của từng thành viên trong Ủy ban.

b) Các tiểu ban và hội đồng khác: Tùy thuộc vào chiến lược phát triển và quy mô hoạt động của SHB trong từng thời kỳ, Hội đồng Quản trị quyết định việc thành lập các tiểu ban hoặc hội đồng khác giúp việc cho Hội đồng Quản trị trong từng lĩnh vực hoạt động cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật.

17. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban, hội đồng trực thuộc Hội đồng Quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng Quản trị có thể có sai sót.

⁹² Điều 25, 26 Thông tư 40/2011/TT-NHNN

Điều 51. Thay thế thành viên Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng Quản trị. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng Quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị muốn từ chức phải có đơn gửi Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.

3. Trường hợp số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) tổng số thành viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc không đủ số thành viên Hội đồng Quản trị tối thiểu theo quy định của pháp luật, thì trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị đương nhiên mất tư cách, từ chức, bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thì các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị bầu một Phó Chủ tịch thay thế theo nguyên tắc đa số. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức, bị bãi miễn hoặc đương nhiên mất tư cách thì Hội đồng Quản trị phải bầu một trong các thành viên còn lại thay thế. Việc bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị mới thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc đương nhiên mất tư cách phải được thực hiện trong thời hạn chậm nhất 15 ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện này.

5. Trong các trường hợp khác, phiên họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng Quản trị mới để thay thế cho thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

6. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị mới được bầu xử lý; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

Điều 52. Văn phòng Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị có bộ phận giúp việc là Văn phòng Hội đồng Quản trị làm việc thường xuyên tại SHB. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, bãi nhiệm các cán bộ làm việc tại Văn phòng HĐQT phù hợp với quy định của SHB và pháp luật hiện hành.

2. Vai trò và nhiệm vụ của Văn phòng HĐQT:

a) Đầu mối tiếp nhận các thông tin báo cáo, tờ trình của Ban Điều hành trình Hội đồng Quản trị.

b) Đầu mối thông báo các ý kiến chỉ đạo của Hội đồng Quản trị tới Ban Điều hành và các Đơn vị liên quan; theo dõi tiến độ và kết quả triển khai thực hiện các chỉ đạo của Hội đồng Quản trị.

c) Đầu mối chuẩn bị và triển khai các công việc cần thiết để tổ chức các phiên họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật và Điều lệ của SHB quy định.

d) Thực hiện công tác thư ký tại các phiên họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.

e) Lưu giữ các tài liệu, văn kiện của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.

f) Thu thập và cung cấp các báo cáo tài chính theo tháng, quý, năm và các báo cáo về hoạt động của SHB tới các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát.

g) Gửi các Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị tới các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát theo đúng thời hạn quy định tại Quy chế này.

h) Tổ chức thực hiện công tác quản lý cổ đông, cổ phần, cổ phiếu của SHB.

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị.

3. Số lượng cán bộ làm việc tại Văn phòng HĐQT, chi phí hoạt động, tiền lương, thưởng của cán bộ làm việc tại Văn phòng HĐQT do Hội đồng Quản trị quyết định. Các chi phí này được hạch toán vào chi phí hoạt động của SHB.

4. Người làm việc tại Văn phòng HĐQT không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán thực hiện việc kiểm toán SHB.

5. Văn phòng HĐQT có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 53. Người phụ trách quản trị SHB⁹³

1. Hội đồng quản trị chỉ bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để đảm bảo hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có hiểu biết về pháp luật.

b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của SHB.

c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa SHB và cổ đông.

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.

d) Tham dự các cuộc họp.

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên.

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của SHB.

⁹³ Điều 28, Nghị định 155/2020/NĐ-CP

- h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ SHB.

Mục 4

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 54. Tổng Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng Giám đốc hoặc thuê Tổng Giám đốc. Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất công việc kinh doanh hàng ngày của SHB, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp với quy định quy định của pháp luật và Điều lệ SHB⁹⁴.

2. Tổng Giám đốc không được đồng thời đảm nhiệm các chức vụ theo quy định tại Khoản 5 Điều 42 Điều lệ này.

3. Tổng Giám đốc phải đáp ứng được các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây⁹⁵:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 42 Điều lệ này.
- b) Bảo đảm đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 65 và Điều 66 Điều lệ này.
- c) Có bằng đại học hoặc trên đại học về kinh tế, quản trị kinh doanh, luật.
- d) Có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán⁹⁶.
- e) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
- f) Các điều kiện khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 55. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc⁹⁷

1. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của SHB.

3. Trình Hội đồng Quản trị đối với các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động hàng ngày của SHB vượt quá thẩm quyền quyết định của Tổng Giám đốc để

⁹⁴ Điều 48 Luật các TCTD 2010

⁹⁵ Khoản 4 Điều 50 Luật các TCTD 2010

⁹⁶ Khoản 11, Điều 1 Luật SĐ, BS Luật các TCTD 2017

⁹⁷ Điều 49 Luật các TCTD 2010

Hội đồng Quản trị xem xét, quyết định hoặc trình Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này.

4. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.

5. Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc đề báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.

6. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.

7. Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của SHB.

8. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị.

9. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của SHB trình Hội đồng quản trị, hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.

10. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của Điều lệ này.

11. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của SHB, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

12. Ký kết hợp đồng nhân danh SHB theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của SHB.

13. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh Ngân hàng.

14. Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền.

15. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 56. Thay thế Tổng Giám đốc trong trường hợp khẩn cấp.

1. Trong thời hạn một (01) ngày làm việc kể từ ngày Tổng Giám đốc bị xác định đương nhiên mất tư cách theo quy định tại Khoản 3 Điều 42 Điều lệ này, hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi chưa có người thay thế, Hội đồng Quản trị phải có Quyết định cử ngay một Phó Tổng Giám đốc điều hành hoạt động SHB để đảm bảo SHB hoạt động ổn định, liên tục và có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước. Người được cử điều hành SHB phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao trong thời gian đảm nhận nhiệm vụ này.

2. Trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày Tổng Giám đốc đương nhiên bị mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Khoản 1, Điều này, Hội đồng Quản trị phải tiến hành các thủ tục đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước bổ nhiệm hoặc chấp thuận việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới theo quy định.

Điều 57. Giúp việc cho Tổng Giám đốc

1. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng, ban nghiệp vụ của SHB.

2. Phó Tổng Giám đốc trợ giúp Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng theo phân công của Tổng Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công.

3. Số lượng Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc.

4. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của SHB, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

5. Các Phòng, Ban nghiệp vụ giúp Tổng Giám đốc thực hiện các hoạt động trong từng lĩnh vực nghiệp vụ của Ngân hàng theo quy định nội bộ của SHB và quy định của pháp luật.

Điều 58. Thù lao của Tổng Giám đốc và các thành viên khác trong Ban Điều hành

Hội đồng Quản trị quyết định tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua và các thành viên khác trong Ban Điều hành căn cứ theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương và các chi phí cho hoạt động của Ban Điều hành được tính vào chi phí hoạt động của SHB theo quy định của pháp luật, phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của SHB.

Mục 5

BAN KIỂM SOÁT

Điều 59. Số lượng, nhiệm kỳ, nguyên tắc đề cử vào Ban Kiểm soát và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát⁹⁸

1. Ban kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu, có trách nhiệm kiểm soát, đánh giá việc chấp hành các quy định nội bộ, các quy định của pháp luật, Điều lệ và việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; thực hiện việc kiểm toán nội bộ các hoạt động kinh doanh và các báo cáo tài chính của SHB.

2. Ban kiểm soát của SHB có tối thiểu 03 thành viên, trong đó phải có ít nhất 1/2 tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác.

3. Ban kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của SHB, được thuê các chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện các nhiệm vụ của mình.

⁹⁸ Điều 44 Luật các TCTD 2010

4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

5. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát không đủ 2/3 số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ SHB thì trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số lượng, SHB phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định.

6. Nguyên tắc ứng cử, đề cử vào Ban Kiểm soát:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát.

b) Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết thì Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do SHB quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng cử viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

7. Điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát:⁹⁹

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 42 Điều lệ này.

b) Bảo đảm đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 66 và Điều 67 Điều lệ này.

c) Có bằng đại học hoặc trên đại học về kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán.

d) Không phải là người có liên quan của người quản lý SHB.

e) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của SHB.

f) Không Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của SHB trong ba (03) năm liền trước đó.

g) Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác và phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

Điều 60. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát¹⁰⁰

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ SHB trong việc quản trị, điều hành SHB; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Ban hành Quy định nội bộ của Ban kiểm soát; Định kỳ hằng năm xem xét lại Quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo,

⁹⁹ Khoản 2 Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

¹⁰⁰ Điều 45 Luật các tổ chức tín dụng 2010

3. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành SHB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao¹⁰¹.

4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.

5. Chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

6. Chỉ đạo, điều hành bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ trong đó bao gồm hệ thống nhận dạng và quản lý rủi ro; phương pháp đánh giá vốn; hệ thống thông tin báo cáo tài chính và thông tin quản lý; các quy trình, quy định nội bộ của SHB.

7. Định kỳ thông báo Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về hệ thống kiểm soát nội bộ; đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.

8. Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của SHB, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

9. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của SHB khi thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Ban Kiểm soát triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của các đối tượng nêu trên. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của SHB.

10. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ SHB của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

11. Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của ngân hàng, lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.

12. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này.

13. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của Điều lệ này hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

14. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của SHB.

¹⁰¹ Khoản 3, Điều 45, Luật các TCTD 2010

15. Định kỳ hàng năm, Ban kiểm soát phải chỉ đạo bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan về hệ thống kiểm soát nội bộ và thông báo cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về hệ thống kiểm soát nội bộ, đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.

16. Phê duyệt chính sách kiểm toán nội bộ; phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ trên cơ sở thảo luận với Tổng giám đốc và thống nhất với Chủ tịch Hội đồng quản trị.

17. Đảm bảo phối hợp hiệu quả với Kiểm toán độc lập, Kiểm toán nhà nước, Ngân hàng Nhà nước.

18. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Ngân hàng, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết¹⁰².

19. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 61. Quyền hạn và nhiệm vụ của Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát¹⁰³

1. Trưởng ban kiểm soát có các nhiệm vụ và quyền hạn như sau.

a) Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này.

b) Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề quan tâm của tất cả thành viên Ban kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.

c) Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

d) Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều 33 Điều lệ này hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường.

e) Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị, nhưng không được biểu quyết.

f) Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị, nếu ý kiến của mình khác với các quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông hoặc chủ sở hữu, thành viên góp vốn.

g) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát.

h) Bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.

i) Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.

j) Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.

¹⁰² Khoản 1, Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

¹⁰³ Điều 46 và Điều 47 Luật các TCTD 2010

k) Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Thành viên Ban Kiểm soát trong phạm vi công việc được phân công có các nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của SHB và của cổ đông.

b) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát.

c) Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.

d) Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.

e) Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của SHB cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.

f) Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình.

g) Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.

h) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 62. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Các tài liệu sau được gửi thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo.

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do SHB phát hành

2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Ngân hàng lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhánh và các địa điểm khác.

3. Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của SHB theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, phải bảo đảm rằng tất cả các bản sao chụp các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng Quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 63. Thay thế thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên của Ban Kiểm soát sẽ đương nhiên bị mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo quy định tại Điều 42, Điều lệ này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chấp thuận việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban và các thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. Trường hợp các hành vi, quyết định của Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình và có nguy cơ gây thiệt hại cho SHB thì Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm một, một số hoặc toàn bộ các thành viên của Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát mới thay thế.

3. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Trưởng Ban Kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách, các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban Kiểm soát để bầu một thành viên Ban Kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trưởng Ban Kiểm soát.

4. Trưởng Ban Kiểm soát muốn từ chức Trưởng ban, phải có đơn gửi đến Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Trong thời hạn tối đa sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Trưởng Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban Kiểm soát thay thế theo quy định hiện hành.

5. Thành viên Ban Kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.

6. Trường hợp bị giảm quá một phần ba số thành viên Ban Kiểm soát hoặc không đủ số thành viên Ban Kiểm soát tối thiểu theo quy định của Điều lệ SHB, trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban Kiểm soát theo quy định, Ban Kiểm soát phải đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát.

7. Trong các trường hợp khác, phiên họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban Kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

Điều 64. Họp Ban Kiểm soát

1. Phiên họp thường kỳ: Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát¹⁰⁴.

2. Phiên họp bất thường: Phiên họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:

- a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- b) Ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng Quản trị.
- c) Trưởng Ban Kiểm soát.
- d) Ít nhất 02 thành viên Ban Kiểm soát trở lên.
- đ) Tổng Giám đốc.
- e) Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thành phố Hà Nội.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm a, b, d, đ, e của Khoản 2 Điều này, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành phiên họp Ban Kiểm soát bất thường. Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập phiên

¹⁰⁴ Khoản 1 Điều 289 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

họp Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Thành phố Hà Nội và tiến hành họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một thành viên Ban Kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng ban, trình Ngân hàng Nhà nước chấp thuận theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).

3. Địa điểm họp: Các phiên họp Ban Kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của SHB.

4. Thông báo và Chương trình họp: Phiên họp Ban Kiểm soát được tiến hành sau 5 ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban Kiểm soát. Thông báo về phiên họp Ban Kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại phiên họp Ban Kiểm soát và cả các phiếu bầu cho những thành viên Ban Kiểm soát không thể dự họp. Những thành viên Ban Kiểm soát này sẽ gửi phiếu bầu cho Ban Kiểm soát trước khi họp.

5. Số thành viên tối thiểu tham dự các phiên họp: Phiên họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ hai phần ba số thành viên Ban Kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban Kiểm soát được uỷ quyền. Trường hợp triệu tập họp Ban Kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập tiếp phiên họp Ban Kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 ngày tiếp theo. Sau hai lần triệu tập họp Ban Kiểm soát không đủ số thành viên tham dự, Trưởng Ban Kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng Quản trị biết và đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban Kiểm soát.

6. Biểu quyết:

a) Mỗi thành viên Ban Kiểm soát tham dự phiên họp Ban Kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại phiên họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự phiên họp thì có thể uỷ quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.

b) Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại phiên họp, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

c) Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một phiên họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban Kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ toạ của phiên họp. Phán quyết của Chủ toạ sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.

d) Bất kỳ thành viên Ban Kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong khoản 1, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.

7. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên Ban Kiểm soát nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thoả thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thoả thuận dự kiến giao kết với SHB phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại phiên họp Hội đồng Quản trị và phiên họp Ban Kiểm soát, tại đây Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại phiên họp gần nhất của Hội đồng Quản trị và phiên họp gần nhất của Ban Kiểm soát sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

8. Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát được Ban Kiểm soát uỷ quyền Chủ tọa phiên họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt).

9. Trường hợp Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban Kiểm soát tại một phiên họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

a) Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến.

b) Số lượng thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban Kiểm soát.

10. Biên bản họp Ban Kiểm soát: các phiên họp Ban Kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban Kiểm soát tham dự phiên họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản. Chủ tọa phiên họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản phiên họp Ban Kiểm soát cho các thành viên Ban Kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các phiên họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi Biên bản.

11. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ¹⁰⁵.

Điều 65. Thù lao và lợi ích của thành viên Ban Kiểm soát¹⁰⁶

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

¹⁰⁵ Khoản 2, Điều 289 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

¹⁰⁶ Điều 172 Luật Doanh nghiệp số năm 2020

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của SHB theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của SHB.

Mục 6

NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 66. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng SHB có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của SHB và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 67. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng SHB có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình trung thực và tránh các xung đột về lợi ích:

1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông SHB.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của SHB và của cổ đông.
3. Trung thành với lợi ích của SHB; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của SHB, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của SHB để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của SHB và của cổ đông.
4. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của Ngân hàng để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của SHB, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước.
5. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng và xây dựng hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ hiệu quả.
6. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ngân hàng về quyền lợi của mình tại các tổ chức khác, các giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của Ngân hàng và chỉ được tham gia vào các giao dịch đó khi được Hội đồng quản trị chấp thuận.
7. Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của Ngân hàng với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của Ngân hàng.
8. Không được tăng lương, thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng khi Ngân hàng bị lỗ.
9. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 68. Trách nhiệm công khai các lợi ích có liên quan¹⁰⁷

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của SHB phải công khai với SHB các thông tin sau đây:

a) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ, những người có liên quan của họ đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc uỷ quyền, uỷ thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên, bao gồm: Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.

b) Doanh nghiệp mà họ, những người có liên quan của họ đang là thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát; Tổng Giám đốc (Giám đốc) bao gồm: Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.

2. Việc công khai các lợi ích theo quy định tại Khoản 1 Điều này và việc thay đổi các lợi ích liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi lợi ích.

3. Việc công khai các lợi ích theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thông báo định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng cổ đông của SHB và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của SHB.

4. SHB phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức tín dụng nhận được thông tin công khai theo quy định tại khoản 2 Điều này.¹⁰⁸

Điều 69. Các hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa SHB với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận (trừ các giao dịch cho vay theo quy định tại Điều 127, 128 Luật các tổ chức tín dụng):

a) Cổ đông, người đại diện được uỷ quyền của cổ đông sở hữu từ 35% tổng số cổ phần phổ thông của SHB trở lên và những người liên quan của họ.

b) Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc và những người có liên quan.

c) Doanh nghiệp quy định tại khoản 1, Điều 66 Điều lệ này.

2. Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn tự có của SHB (theo quy định của Ngân hàng Nhà nước) thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông là bên ký hợp đồng hoặc cổ đông có liên quan với bên ký hợp đồng, không được phép tham gia biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số biểu quyết còn lại đồng ý.

3. Đối với hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn tự có của SHB (theo quy định của Ngân hàng Nhà nước) thì phải được Hội đồng Quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng Quản trị là bên ký hợp đồng hoặc thành viên Hội đồng Quản trị có liên quan với bên ký hợp đồng, không được phép tham gia biểu quyết.

¹⁰⁷ Điều 39 Luật các TCTD 2010

¹⁰⁸ Khoản 8 Điều 1 Luật SĐ, BS Luật các TCTD 2017

4. Trường hợp, hợp đồng được ký kết mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho SHB phải có trách nhiệm bồi thường.

Điều 70. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực và cẩn trọng theo quy định tại Điều 67, Điều 68 Điều lệ này sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường: Ngân hàng sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Ngân hàng thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Ngân hàng) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các thành viên Ban Điều hành, cán bộ nhân viên hoặc là đại diện được Ngân hàng (hay công ty con của Ngân hàng) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Ngân hàng (hay công ty con của Ngân hàng) với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, thành viên Ban Điều hành, cán bộ nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Ngân hàng, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. SHB có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Mục 7

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

Điều 71. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông lớn được quyền, trực tiếp hoặc thông qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, bằng một yêu cầu bằng văn bản, thẩm tra danh sách các cổ đông của SHB và các biên bản của Đại hội đồng cổ đông trong giờ làm việc tại trụ sở chính của SHB và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Một yêu cầu của người được uỷ quyền phải được kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên Ban điều hành khác có quyền kiểm tra sổ sách kế toán, sổ đăng ký cổ đông, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của SHB vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ, quyền hạn của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.'

3. SHB sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung của nó, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu đối với các tài sản, các báo cáo tài chính hàng năm đã được xác nhận của Kiểm toán độc lập xác nhận, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo

quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác trong địa bàn hoạt động của trụ sở chính với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Mỗi cổ đông sẽ có quyền nhận được một bản sao Điều lệ này miễn phí. Điều lệ của SHB cũng được công bố trên website: www.shb.com.vn.

Mục 8

NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 72. Người lao động và Công đoàn

Tổng Giám đốc sẽ phải xây dựng Quy chế liên quan đến việc tuyển dụng, thuê mướn lao động, buộc thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động của SHB cũng như quan hệ của SHB với tổ chức Công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất để báo cáo Hội đồng Quản trị thông qua.

CHƯƠNG V

CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Mục 1

HỆ THỐNG KẾ TOÁN VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Điều 73. Hệ thống kế toán

1. SHB sử dụng hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) theo quy định của pháp luật.
2. SHB sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ trong kế toán.
3. Các sổ sách kế toán của SHB được lập bằng tiếng Việt theo quy định của pháp luật.
4. SHB lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định của pháp luật, những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của SHB.

Điều 74. Năm tài chính

Năm tài chính của SHB bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 dương lịch hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch cùng năm.

Mục 2

CON DẤU VÀ KIỂM TOÁN

Điều 75. Con dấu

1. Con dấu của SHB được đăng ký và khắc theo quy định của pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng con dấu của SHB theo quy định của pháp luật.

Điều 76. Kiểm toán độc lập¹⁰⁹

1. Trước khi kết thúc năm tài chính, trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy

¹⁰⁹ Điều 42 Luật các TCTD 2010

định của Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán các hoạt động của mình trong năm tài chính tiếp theo.

2. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, SHB phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước tổ chức kiểm toán được lựa chọn.

3. SHB phải thực hiện kiểm toán độc lập lại trong trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập.

Điều 77. Hệ thống Kiểm toán và Kiểm tra, kiểm soát nội bộ¹¹⁰

1. Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ

a) Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của SHB được thiết lập phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các rủi ro và đạt được các mục tiêu đã đặt ra.

b) SHB phải xây dựng hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ để thực hiện các mục tiêu sau đây:

- Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;

- Bảo đảm hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;

- Bảo đảm tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ.

c) Hoạt động hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ của SHB phải được bộ phận kiểm toán nội bộ, tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá định kỳ.

2. Kiểm toán nội bộ

a) SHB phải thành lập bộ phận Kiểm toán nội bộ chuyên trách trực thuộc Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ Ngân hàng.

b) Bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ các quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong Ngân hàng; đưa ra các kiến nghị nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các hệ thống, các quy trình, quy định, góp phần bảo đảm SHB hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

c) Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo kịp thời cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và gửi Tổng Giám đốc của SHB.

Mục 3

SỬ DỤNG VỐN VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 78. Sử dụng vốn

1. SHB được sử dụng vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo các tỷ lệ do pháp luật quy định.

¹¹⁰ Điều 40 và Điều 41 Luật các TCTD 2010

2. SHB được quyền thay đổi cơ cấu vốn và tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. SHB được điều động vốn và tài sản giữa các công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập.

Điều 79. Các quỹ¹¹¹

1. Hằng năm SHB phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ dự trữ sau đây:

a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, vốn được cấp được trích hằng năm theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ, vốn được cấp của SHB.

b) Quỹ dự phòng tài chính.

c) Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ.

d) Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

e) Quỹ khen thưởng.

f) Quỹ phúc lợi.

2. SHB không được dùng các quỹ quy định tại khoản 1 Điều này để trả cổ tức cho cổ đông.

Điều 80. Cổ tức¹¹²

1. Cổ tức được chia theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Quản trị. SHB chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ của SHB và bù đắp lỗ trước đó (nếu có).

2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ cho cổ đông nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Ngân hàng.

3. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

4. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của SHB hoặc bằng tài sản khác do Hội đồng Quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng chuyển khoản theo yêu cầu của cổ đông.

5. Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng. SHB không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó trong trường hợp đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về số tài khoản, ngân hàng như thông báo của cổ đông.

¹¹¹ Điều 139 Luật các TCTD 2010

¹¹² Điều 135 Luật Doanh nghiệp 2020; Khoản 6 Điều 11 Quyết định 02/QĐ-VSD

Trường hợp cổ phiếu của SHB được niêm yết tại Sở Giao dịch/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán thì việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phần này được tiến hành thông qua Công ty Chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

7. Hội đồng Quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

8. SHB không được trả lãi suất hoặc một khoản tiền khác có tính chất lãi cho cổ tức, trừ trường hợp cổ tức được trả vào tài khoản tiền gửi của cổ đông tại ngân hàng.

9. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ SHB.

10. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khóa sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

CHƯƠNG VI

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 81. Các báo cáo của SHB

1. Báo cáo tài chính hàng năm của SHB được lập theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định của Điều lệ này. SHB phải nộp báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, Ngân hàng Nhà nước¹¹³.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Ngân hàng trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Ngân hàng cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Ngân hàng là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Ngân hàng và các đơn vị trực thuộc vào cuối mỗi năm tài chính.

¹¹³ Khoản 1 Điều 141 Luật các TCTD 2010;

3. SHB phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Đồng thời, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Ngân hàng phải được công bố trên website của Ngân hàng.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Ngân hàng, tại trụ sở chính của Ngân hàng và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

6. SHB phải báo cáo ngay với Ngân hàng Nhà nước trong những trường hợp sau:¹¹⁴

a) Phát sinh diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của SHB.

b) Có thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của cổ đông lớn và các thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của SHB.

c) Thay đổi tên chi nhánh của SHB; tạm ngừng hoạt động kinh doanh dưới 05 ngày làm việc.

d) Công ty con, công ty liên kết của SHB có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của mình cho Ngân hàng Nhà nước khi được yêu cầu.

7. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày bầu, bổ nhiệm các chức danh Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), SHB phải có văn bản thông báo cho Ngân hàng Nhà nước¹¹⁵ Báo cáo Ngân hàng Nhà nước các thay đổi liên quan đến cơ cấu, phân công nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của SHB trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thay đổi.

8. Báo cáo các trường hợp chuyển nhượng cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc, đính kèm các văn bản liên quan của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định việc chuyển nhượng cổ phần bắt buộc.

9. SHB báo cáo Ngân hàng Nhà nước tình hình cơ cấu cổ đông, tỷ lệ sở hữu cổ phần tại thời điểm 30/6 và 31/12 và hàng năm trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày lập báo cáo.

Điều 82. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

SHB phải công bố ra công chúng các báo cáo tài chính hàng năm và tài liệu bổ trợ khác theo những quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nộp cho Ngân hàng Nhà nước, cơ quan thuế hữu quan, cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật.

¹¹⁴ Khoản 2 Điều 141 Luật các TCTD 2010 và Luật SĐ, BS Luật các TCTD năm 2017

¹¹⁵ Khoản 9 Thông tư 13/2019/TT-NHNN

CHƯƠNG VII

TỔ CHỨC LẠI, KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN

Điều 83. Tổ chức lại¹¹⁶

SHB được tổ chức lại dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

Điều 84. Gia hạn hoạt động

1. Ít nhất 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của SHB, Hội đồng Quản trị có trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để xem xét việc gia hạn hoạt động của SHB¹¹⁷.

2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có ít nhất 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thông qua¹¹⁸.

3. Việc gia hạn thời hạn hoạt động của SHB phải được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận theo quy định của pháp luật¹¹⁹.

Điều 85. Chấm dứt hoạt động, giải thể và thanh lý

1. SHB chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a) Khi kết thúc thời hạn hoạt động của SHB.
- b) Tòa án tuyên bố Ngân hàng phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- c) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- d) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Ngân hàng giải thể trong các trường hợp sau đây:¹²⁰

a) Tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

b) Khi hết thời hạn hoạt động không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

c) Bị thu hồi Giấy phép.

3. Ngân hàng chỉ giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính khác.

4. Quyết định giải thể SHB phải do Đại hội đồng cổ đông thông qua và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận theo quy định của pháp luật.

5. Thủ tục, trình tự giải thể SHB được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật.

¹¹⁶ Điều 153 Luật các TCTD 2010

¹¹⁷ Khoản 1 Điều 60 Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC

¹¹⁸ Khoản 2 Điều 60 Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC

¹¹⁹ Điểm d Khoản 1 Điều 29 Luật các TCTD 2010

¹²⁰ Điều 154 Luật các TCTD 2010

6. Trong trường hợp Ngân hàng bị tuyên bố phá sản, việc thanh lý tài sản của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.¹²¹

7. Khi giải thể theo quy định tại Khoản 2 Điều này, Ngân hàng phải tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do Ngân hàng Nhà nước quy định.

8. Mọi chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản do Ngân hàng chịu trách nhiệm thanh toán.

Điều 86. Phá sản

Việc phá sản Ngân hàng được thực hiện theo các quy định của pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG VIII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 87. Giải quyết tranh chấp nội bộ¹²²

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của SHB, quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này hay các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa (i) Cổ đông với SHB hoặc (ii) Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay các thành viên khác của Ban Điều hành; Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG IX

THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

Điều 88. Thông tin¹²³

1. SHB cung cấp thông tin cho chủ tài khoản về những giao dịch và số dư trên tài khoản của họ tại SHB theo thỏa thuận với chủ tài khoản.

2. SHB được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động ngân hàng.

¹²¹ Điều 156 Luật các TCTD 2010

¹²² Điều 62 Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC

¹²³ Điều 13 Luật các TCTD 2010

3. SHB có trách nhiệm báo cáo, cung cấp các thông tin cho Ngân hàng Nhà nước về tình hình hoạt động kinh doanh và được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với SHB theo quy định của Ngân hàng nhà nước.

Điều 89. Bảo mật thông tin¹²⁴

1. Nhân viên, người quản lý, người điều hành của SHB và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật kinh doanh của SHB.

2. SHB phải bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại SHB.

3. SHB không được cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi, các giao dịch của khách hàng tại SHB cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

CHƯƠNG X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 90. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Những vấn đề không được đề cập đến trong Điều lệ này thì được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật và các quy định nội bộ khác của SHB.

3. Trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản quy định tại Điều lệ này thì những quy định mới của pháp luật đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của SHB.

4. Trường hợp các quy định của pháp luật có sự thay đổi làm cho một hoặc một số điều khoản của Điều lệ này hết hiệu lực thi hành thì các điều khoản khác vẫn có hiệu lực cho đến khi Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung.

5. Điều lệ này và văn bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải gửi Ngân hàng Nhà nước trong vòng 15 ngày kể từ ngày được thông qua¹²⁵.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ NICH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đỗ Quang Hiến

¹²⁴ Điều 14 Luật các TCTD 2010

¹²⁵ Khoản 18, Điều 1, Luật SĐ, BS Luật các TCTD 2017